

Vấn đề phí tham quan di sản văn hóa

TS. Bùi Đại Dũng*

*Khoa Kinh tế Phát triển, Trường Đại học Kinh tế,
Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 16 tháng 12 năm 2010

Tóm tắt. Du lịch có vai trò đặc biệt quan trọng đối với nền kinh tế nói chung và đời sống của nhân dân từng địa phương nói riêng với những ảnh hưởng đặc biệt tích cực đến chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phát triển nền kinh tế sạch và đối phó với biến đổi khí hậu toàn cầu. Để phát triển du lịch, việc bảo tồn các di sản văn hóa vô hình và hữu hình là yêu cầu tiên quyết, đòi hỏi sự quản lý thống nhất của Nhà nước một cách khoa học, văn hóa. Đây là một hình thức hàng hóa công thuần túy, đòi hỏi có sự đầu tư thích đáng và phân cấp quản lý phù hợp giữa chính quyền trung ương với địa phương. Mặc dù phí tham quan đã được quy định rõ tại Pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001 về Phí và Lệ phí, song việc thu phí ở một số nơi đã nảy sinh bất cập, gây bất bình đối với du khách. Bài viết này đề cập vấn đề thu phí tham quan di sản văn hóa dưới cách nhìn của Kinh tế học công cộng để bàn về tính hiệu quả của việc thu phí theo định hướng phát triển du lịch bền vững.

1. Du lịch - ngành kinh tế đặc biệt quan trọng trong nền kinh tế

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, khủng hoảng kinh tế và mối đe dọa của biến đổi khí hậu toàn cầu, du lịch được nhiều nước đánh giá là ngành kinh tế đặc biệt quan trọng. Đại hội lần thứ 18 của Tổ chức Du lịch Thế giới thuộc Liên Hiệp Quốc (UNWTO) quy tụ 360 đại biểu đến từ 112 quốc gia họp ngày 9/10/2010 tại Astana (Kazakhstan) đã kêu gọi các nước đặt du lịch vào trung tâm của gói kích cầu kinh tế sau khủng hoảng và chương trình cải cách dài hạn nhằm chuyển sang nền kinh tế xanh. Đại hội khuyến cáo chính phủ các nước hủy bỏ gánh nặng thuế lên ngành du lịch, đơn giản hóa việc cấp thị thực và thủ tục nhập cảnh. Đại hội nhấn mạnh vai trò quan trọng của du lịch trong phục hồi kinh tế sau khủng hoảng, như tạo công ăn

việc làm, thúc đẩy thương mại và phát triển cơ sở hạ tầng.

Hội nghị Bộ trưởng Du lịch lần thứ 6 của Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC) họp ngày 22/9/2010 tại thành phố Nara (Nhật Bản) cũng nêu bật vai trò quan trọng của du lịch. Ông Sumio Mabuchi - Bộ trưởng Đất đai, Hạ tầng, Giao thông và Du lịch Nhật Bản khẳng định du lịch đóng vai trò quan trọng trong việc đẩy mạnh phát triển kinh tế và tạo việc làm ở Nhật Bản. Đại biểu của 21 nền kinh tế thành viên APEC tại Hội nghị cũng nhấn mạnh du lịch là một “động cơ tăng trưởng” trong chiến lược phát triển mới của các nền kinh tế vành đai Thái Bình Dương⁽¹⁾.

Việt Nam là một trong những quốc gia sớm nhận thức được vai trò của du lịch và triển khai nhiều chính sách kịp thời. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam 2001-2010 đã chỉ rõ mục

*ĐT: 84-986973399
E-mail: dungbd@vnu.edu.vn

⁽¹⁾<http://www.baobariavungtau.com.vn/vn/quocte/78451/in dex.brvt>

tiêu: “Phát triển du lịch trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn trên cơ sở khai thác có hiệu quả lợi thế về điều kiện tự nhiên, sinh thái, truyền thống văn hóa lịch sử.” Bộ Văn hóa, Thể dục Thể thao và Du lịch đã tổ chức riêng một hội thảo với chủ đề: “Du lịch - Động lực quan trọng phát triển kinh tế - xã hội” ngày 10/5/2010 tại Hà Nội để trao đổi về những giải pháp tổng thể, dài hạn cho ngành du lịch.

Trong giai đoạn cải cách, chuyển đổi, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu to lớn về kinh tế - xã hội. Định hướng chủ động hội nhập của Đảng là một nhân tố thúc đẩy hoạt động du lịch quốc tế phát triển nhanh chóng. Mức sống của người dân nâng cao là một nhân tố dẫn đến nhu cầu du lịch nội địa tăng mạnh. Trong mười năm qua, thu nhập xã hội từ ngành du lịch nước ta đạt tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm trên 20%, tỷ lệ đóng góp GDP tăng từ 1,76% năm 1994 lên 6,5% năm 2008. Du lịch đứng trong danh sách năm ngành tạo thu nhập ngoại tệ lớn nhất cho đất nước với 4,05 tỷ đôla năm 2009, chiếm trên 55% trong cơ cấu của xuất khẩu dịch vụ⁽²⁾. Năm 2001, Việt Nam đón 2,33 triệu lượt khách du lịch quốc tế. Năm 2008, số lượt khách quốc tế đến Việt Nam đạt 4,23 triệu lượt với tỷ lệ tăng trưởng trung bình 8,91%/năm. Thị trường khách du lịch nội địa liên tục tăng trưởng, đạt 20,5 triệu lượt khách năm 2008, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 8,34%⁽³⁾.

Như vậy, du lịch là ngành kinh tế đặc biệt, cần khuyến khích phát triển bởi nhiều lý do. Trước hết, du lịch được coi là ngành “xuất khẩu tại chỗ” với khả năng thu ngoại tệ ngay trong nước, có nguồn hàng đa dạng, từ những hàng hóa, dịch vụ cao cấp cho đến những hàng hóa, dịch vụ bình dân. Du lịch là lĩnh vực cần nhiều nhân công, có thể phát triển ở cả thành thị và vùng sâu, vùng xa; có thể trực tiếp và gián tiếp tạo việc làm cho phụ nữ, người có tuổi, người tàn tật một cách phù hợp.

⁽²⁾<http://www.baodulich.net.vn/Story/vn/50namthanhlapnganhdulich/50namthanhlapnganhdulich/2010/5/5507.html>

⁽³⁾<http://vneconomy.vn/20090831093441764P0C19/du-lich-chua-thuc-su-tro-thanh-mui-nhon.htm>

Du lịch có ảnh hưởng tích cực đến các ngành khác như vận tải hành khách, ăn uống, sản xuất thủ công mỹ nghệ..., và các dịch vụ như bảo hiểm, ngân hàng, thông tin liên lạc... Phát triển du lịch đặt ra yêu cầu bảo vệ môi sinh và tạo thu nhập thay thế cho nhiều hoạt động gây hại cho môi sinh, môi trường. Như vậy, phát triển du lịch có thể dẫn đến sự phát triển toàn diện từ các vấn đề kinh tế, xã hội, tăng việc làm, thúc đẩy bình đẳng giới, bảo vệ môi trường, cân đối phát triển vùng, cho đến việc điều chỉnh cơ cấu nền kinh tế theo hướng xanh, sạch và bền vững.

Phát triển du lịch cần được chú trọng trước hết là phát triển cơ sở hạ tầng du lịch, trong đó các di sản văn hóa chiếm vị thế hàng đầu trong việc thu hút du khách - bên cạnh các nhân tố khác như cảnh quan, môi trường và công nghệ giải trí. Đất nước Việt Nam với 54 dân tộc anh em, trải qua hàng nghìn năm xây đắp đã tạo dựng nên một kho tàng văn hóa hết sức phong phú, độc đáo và quý giá. Các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc là tài nguyên vô cùng quý báu trong quá trình xây dựng đất nước nói chung và phát triển ngành du lịch nói riêng.

2. Di sản văn hóa cần được nhìn nhận như một dạng hàng hóa/dịch vụ công

Theo Joseph Stiglitz, nhà kinh tế học người Mỹ đoạt Giải Nobel Kinh tế năm 2001, hàng hóa công (ngụ ý cả hàng hóa và dịch vụ công, sau đây gọi gộp là hàng hóa công) được phân biệt với hàng hóa tư bằng hai tiêu chí: (i) Tính loại trừ khả dụng trong tiêu dùng; và (ii) tính loại trừ thụ hưởng trong phân phối. Căn cứ vào hai tiêu chí này, có thể xếp di sản văn hóa là một dạng hàng hóa công bởi những lý do sau:

- Di sản văn hóa cung cấp lợi ích tinh thần cho nhiều người trong cùng thời điểm. Một đứa trẻ vừa ra đời không làm suy giảm giá trị tinh thần mà di sản văn hóa đem lại cho khu vực, quốc gia và nhân loại.

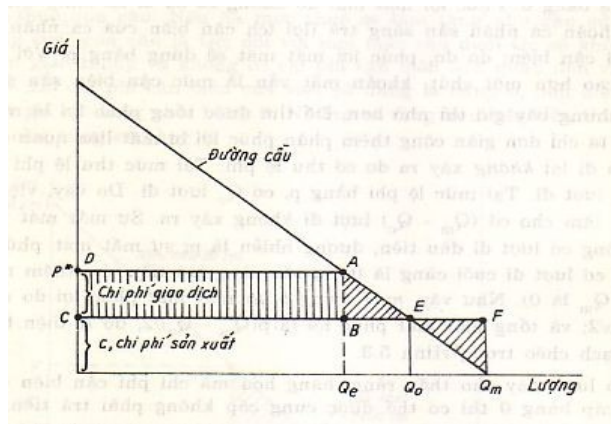
- Khó có thể loại trừ cá nhân nào đó ra khỏi việc thụ hưởng lợi ích mà di sản văn hóa đem

lại. Việc thụ hưởng lợi ích trực tiếp có thể bị loại trừ, ví dụ ai đó không mua vé thì không được tham quan một di sản. Tuy nhiên, việc thụ hưởng lợi ích tổng thể không thể bị loại trừ, ví dụ sự tác động tích cực của một thắng cảnh nói riêng hoặc du lịch nói chung đối với sự phát triển của nền kinh tế và môi trường xã hội.

Ngoài ra, di sản văn hóa cần được Nhà nước chăm lo, tu bổ, quản lý nhằm khuếch trương ảnh hưởng vì di sản văn hóa có thể tạo ra những ngoại ứng tích cực và là một dạng hàng hóa khuyến dụng với vai trò khuyến khích mỗi cá nhân phấn đấu vươn lên trong quá trình học tập, rèn luyện, làm việc và đấu tranh. Di sản văn hóa là bằng chứng của nét đẹp văn hóa, thành tựu của thế hệ trước để lại như là tấm

gương để mỗi cá nhân, mỗi thế hệ sau nhìn vào và đánh giá bản thân.

Ý nghĩa của việc phân loại hàng hóa công/hàng hóa tư là nhằm xác định hàng hóa/dịch vụ đó nên để khu vực công hoặc khu vực tư nhân cung cấp thì đạt hiệu quả hơn cho xã hội. Hàng hóa công được nghiên cứu dưới góc độ thu phí bao nhiêu và gây tổn hại đến phúc lợi xã hội như thế nào. Một hàng hóa/dịch vụ do khu vực công cung cấp sẽ sử dụng quyền lực công để thu phần khấu trừ chi phí sản xuất từ mọi cá nhân trong xã hội dưới dạng thuế. Trong khi hàng hóa/dịch vụ đó do khu vực tư cung cấp sẽ phải thu phí trực tiếp từ những người sử dụng để trang trải chi phí sản xuất. Sự khác biệt này tạo ra tình trạng thiếu hiệu quả xã hội, được lý giải bằng đồ thị như Hình 1.



Hình 1. Tổn thất phúc lợi xã hội của hàng hóa/dịch vụ công do khu vực tư cung cấp.
 Nguồn: Joseph E. Stiglitz, *Kinh tế học công cộng*, NXB. Khoa học và Kỹ thuật, 1995.

Diện tích phần có đường gạch là mức tổn thất phúc lợi xã hội. Khối lượng tổn thất (diện tích DAEC) chỉ phát sinh nếu có thu phí. Tổn thất này càng lớn nếu mức phí càng cao và hình thức thu phí càng phức tạp, nhỏ nhất.

Đồ thị trên đây cung cấp một minh chứng khoa học rằng đối với các hàng hóa và dịch vụ công, việc giao cho khu vực tư cung cấp và thu phí sẽ gây tổn thất lớn hơn cho xã hội so với việc cung cấp miễn phí bởi khu vực công. Mức thu phí càng cao thì càng tăng khoản mất trắng (khoản tổn thất vô ích) đối với phúc lợi xã hội thông qua tác động giảm số lượng người sử

dụng hàng hóa/dịch vụ này, gây lãng phí nguồn lực, giảm ngoại ứng tích cực và thu hẹp phạm vi ảnh hưởng của hàng hóa khuyến dụng. Giải pháp là đưa hàng hóa/dịch vụ này về khu vực công cung cấp không thu phí để giảm tổn thất vô ích cho xã hội.

Nếu ảnh hưởng tích cực của du lịch đến sự phát triển kinh tế - xã hội được thừa nhận thì việc phát triển ngành du lịch không thể là trách nhiệm riêng của ngành du lịch mà là trách nhiệm của toàn bộ các Bộ, ngành, địa phương, đặc biệt là Chính phủ với tư cách người điều phối tổng thể. Nguồn lực để đầu tư, nâng cấp,

bảo tồn các di tích không thể chỉ nhìn vào khoản thu trực tiếp từ dịch vụ đón tiếp du khách tại chỗ mà cần được điều phối hợp lý từ nguồn ngân sách đã phân cấp, bản chất là đóng góp của các ngành khác đã gián tiếp nhận được lợi ích từ việc phát triển du lịch. Do đó, quan hệ thu chi từ các di tích lịch sử văn hóa không thể được nhìn nhận một cách hoàn toàn độc lập, riêng rẽ mà cần đặt vào bối cảnh tổng thể trên cơ sở tác động tràn (spillover effect) và những ngoại ứng tích cực từ các di sản văn hóa đối với các hoạt động kinh tế liên quan.

Ngoài vấn đề tài chính, hoạt động bảo tồn, phục chế các di tích văn hóa đòi hỏi rất khắt khe về trình độ chuyên môn và kiến thức chuyên ngành. Những yêu cầu này khó có thể đảm bảo nếu thực hiện một cách đơn lẻ, tự phát và thiếu các quy chế giám sát nghiêm ngặt. Thời gian qua đã xuất hiện những lo ngại về việc phục chế, trùng tu di tích nhưng lại làm mất đi nét văn hóa truyền thống của di tích. Một số vụ việc được báo chí nêu như việc sửa đình Mông Phụ ở làng cổ Đường Lâm (Sơn Tây - Hà Nội), đình Yên Phụ thuộc phường Yên Phụ (Tây Hồ - Hà Nội), chùa Tướng (Bắc Ninh), chùa Bút Tháp (Thuận Thành - Bắc Ninh)... đã phá vỡ không gian văn hóa cổ và làm mất những giá trị văn hoá, kiến trúc quý giá. Thực tiễn này cũng phản ánh sự cần thiết về vai trò của Nhà nước trong xây dựng kế hoạch bảo tồn, phân bổ ngân sách và giám sát việc phục chế, tôn tạo các di tích văn hóa một cách có hệ thống.

3. Vấn đề phí và cách thu phí tại địa điểm di sản văn hóa

Trên đây đã đề cập đến sự cần thiết và tính hiệu quả của việc Nhà nước (khu vực công) điều phối nguồn lực để kiến thiết hệ thống hạ tầng phục vụ du lịch, trong đó có việc bảo tồn, phục chế các di sản văn hóa. Tuy nhiên, trong các hoạt động phục vụ du khách tại các điểm tham quan di tích, có một số hoạt động không thể và không nên giao cho khu vực công thực hiện, ví dụ như chăm sóc, bảo quản các di tích, đảm bảo trật tự, an ninh và giữ vệ sinh nơi công

cộng hàng ngày. Những việc này liên quan đến vấn đề sử dụng lao động địa phương, quản lý và xử lý các vụ việc chi tiết. Như vậy, chức năng thực hiện các công việc này nên giao cho chính quyền cơ sở hoặc các tổ chức xã hội dân sự ở địa phương. Đây chính là nhân tố phát sinh vấn đề thu và mức thu phí tham quan.

Theo Pháp lệnh về Phí và Lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001, phí là khoản tiền mà tổ chức, cá nhân phải trả khi được một tổ chức, cá nhân khác cung cấp dịch vụ được quy định trong Danh mục phí ban hành kèm theo Pháp lệnh Phí và Lệ phí. Theo danh mục này, phí tham quan là phí thuộc lĩnh vực văn hóa xã hội.

Nguyên tắc xác định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí được nêu rõ trong các Điều 12, 13 của Pháp lệnh. Điều 12 xác định mức thu phí căn cứ vào các nguyên tắc: (i) Mức thu phí đối với các dịch vụ do Nhà nước đầu tư phải bảo đảm thu hồi vốn trong thời gian hợp lý, có tính đến những chính sách của Nhà nước trong từng thời kỳ; và (ii) Mức thu phí đối với các dịch vụ do tổ chức, cá nhân đầu tư vốn phải bảo đảm thu hồi vốn trong thời gian hợp lý, phù hợp với khả năng đóng góp của người nộp.

Điều 13 xác định: Mức thu lệ phí được ấn định trước đối với từng công việc, không nhằm mục đích bù đắp chi phí, phù hợp với thông lệ quốc tế; riêng mức thu lệ phí trước bạ được tính bằng tỷ lệ phần trăm trên giá trị tài sản trước bạ.

Theo cơ sở lý luận trên đây và nhìn nhận lại nội dung các điều quy định này, có thể rút ra một số nhận xét như sau:

Thứ nhất, đối với các di sản văn hóa, việc Nhà nước hoặc cá nhân đầu tư phục dựng hoặc làm du lịch không phải là nhân tố duy nhất thu hút du khách đến những nơi này. Do đó, quy định mức thu phí đảm bảo thu hồi vốn có thể áp dụng với các điểm du lịch loại hình khác chứ không thể áp dụng cho các di sản văn hóa.

Thứ hai, việc đầu tư, tu bổ di sản văn hóa đem lại lợi ích cho nhiều ngành. Mức thu phí tham quan, nếu đủ bù đắp vốn đầu tư hoặc chi phí bảo tồn, nâng cấp di sản, thì có thể cao đến

mức không ai đến tham quan nữa. Như vậy, nếu áp dụng mức thu phí tham quan đối với di sản văn hóa “bảo đảm thu hồi vốn” là không hợp lý và gây nhiều tổn thất kinh tế. Trong trường hợp này, nên quy định mức thu phí “không nhằm mục đích bù đắp chi phí” như Điều 13 đối với mức thu lệ phí.

Thứ ba, phí tham quan phát sinh từ các loại hình địa điểm tham quan khác nhau có bản chất kinh tế, chính trị, xã hội khác nhau. Các địa điểm tâm linh, văn hóa truyền thống hoàn toàn khác các địa điểm du lịch do cá nhân/tổ chức xây dựng để kinh doanh. Pháp lệnh chưa phân biệt rõ vấn đề này, do đó có thể dẫn đến hiểu nhầm, hiểu sai trong quá trình áp dụng thi hành.

Vấn đề phí và cách thu phí tại một số địa điểm văn hóa trong thời gian qua đã tạo ra những cuộc tranh luận chính thức và không chính thức trên một số phương tiện thông tin đại chúng. Năm 2010, tỉnh Khánh Hòa quyết định thu phí tham quan khu di tích Tháp Bà Ponagar ở mức 15.000đ/người/lượt⁽⁴⁾. Khu Di tích Lịch sử - Văn hóa Đền Hùng cũng quyết định thu phí ở mức 10.000 đồng/người/lượt đối với người trên 16 tuổi, miễn phí dịp Tết Nguyên đán và Giỗ Tổ Hùng Vương⁽⁵⁾. Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam thu phí 25.000 đồng/người nước ngoài và 12.500 đồng/người [Việt Nam](#). Khách du lịch vào Bảo tàng nếu sử dụng máy ảnh phải đóng thêm lệ phí chụp ảnh 50.000đ/máy⁽⁶⁾. Thành phố Hồ Chí Minh ra Nghị quyết thu phí tham quan Khu Di tích Lịch sử Địa đạo Củ Chi, từ ngày 1/1/2010 áp dụng mức thu phí đối với người lớn là 20.000 đồng/lần/người⁽⁷⁾.

Bên cạnh một số thắng cảnh và di tích thu phí tham quan, một số địa phương quyết định hoãn hoặc miễn thu phí tham quan. Tỉnh Khánh Hòa ra quyết định du khách tham quan hoặc lưu trú trong khu vực Vịnh Nha Trang không phải

đóng một khoản phí 5.000 đồng/lượt/người như quy định trước đây⁽⁸⁾. Đảo Cát Bà ra quyết định trước mắt, chưa xem xét thu phí và lệ phí tham quan du lịch tại đảo để đẩy mạnh việc thu hút du khách, phát triển du lịch⁽⁹⁾. Từ năm 2007, tỉnh Thanh Hóa bãi bỏ thu phí đối với du khách nghỉ tại thị xã du lịch biển Sầm Sơn⁽¹⁰⁾. Trước đó, du khách đến nghỉ tại khu du lịch biển Sầm Sơn, ngoài tiền thuê phòng, phải nộp phí gián tiếp 2.000 đồng/người/ngày thông qua nhà nghỉ, khách sạn.

Việc thu, không thu hoặc thu phí tham quan bao nhiêu là bài toán kinh tế liên quan đến lợi ích tổng thể và lợi ích của bộ phận trực tiếp cung cấp dịch vụ, giữa lợi ích ngắn hạn và dài hạn của địa phương. Nguồn thu trực tiếp dĩ nhiên là có lợi cho bộ phận trực tiếp liên quan nhưng có thể ảnh hưởng tiêu cực tới các nhân tố khác (kể cả việc thu không trái luật). Hoạt động thu phí, nếu có biểu hiện bất thường và thiếu văn hóa có thể còn gây ra những tổn hại khó lường cho môi trường du lịch. Việc từ bỏ lợi ích cục bộ và ngắn hạn này có thể tạo ra những tác động to lớn và dài hạn mang tính toàn cục. Lời giải cho bài toán kinh tế này về mặt học thuật đã rõ ràng. Tuy nhiên, đây là vấn đề rất nhạy cảm, đòi hỏi các cấp ra quyết định phải quyết đoán và sáng suốt.

4. Kết luận

Du lịch là một ngành có vai trò đặc biệt quan trọng đối với nền kinh tế nói chung và trực tiếp nâng cao đời sống của nhân dân trong từng địa phương nói riêng. Ngoài những lợi ích kinh tế mà bản thân ngành du lịch đem lại, du lịch còn có vai trò thúc đẩy sự phát triển của các ngành kinh tế khác với sự ảnh hưởng đặc biệt tích cực về chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phát

⁽⁴⁾ [http://www.vietnamtourism.gov.vn/index.php?](http://www.vietnamtourism.gov.vn/index.php?cat=1005&itemid=8163)

[cat=1005&itemid=8163](http://www.vietnamtourism.gov.vn/index.php?cat=1005&itemid=8163)

⁽⁵⁾ [vovnews.vn](http://www.vovnews.vn)

⁽⁶⁾ <http://www.chudu24.com/tin-du-lich/phong-su-du-lich/chau-a/viet-nam/vao-tham-quan-bao-tang.html>

⁽⁷⁾ [http://www.dulichvn.org.vn/index.php?](http://www.dulichvn.org.vn/index.php?category=1005&itemid=8404)

[category=1005&itemid=8404](http://www.dulichvn.org.vn/index.php?category=1005&itemid=8404)

⁽⁸⁾ <http://ngudat.vn/cham-dut-thu-phi-vao-vinh-nha-trang.html>

⁽⁹⁾ [http://www.holidayviewhotel.catba.com/index.php?](http://www.holidayviewhotel.catba.com/index.php?option)

[option](http://www.holidayviewhotel.catba.com/index.php?option)

⁽¹⁰⁾ <http://vietbao.vn/Du-lich/Thanh-Hoa-Bai-bo-thu-phi-du-khach-tai-khu-du-lich-Sam-Son/40182832/254/>

triển nền kinh tế sạch và đối phó với biến đổi khí hậu toàn cầu.

Trong định hướng phát triển du lịch, việc bảo tồn các di sản văn hóa vô hình và hữu hình là yêu cầu tiên quyết, đòi hỏi sự quản lý thống nhất của Nhà nước một cách khoa học, sát sao và hài hòa. Đây là một hình thức hàng hóa công thuần túy, đòi hỏi có sự đầu tư, quản lý phù hợp giữa chính quyền trung ương, chính quyền địa phương với sự tham dự của nhân dân.

Các di sản văn hóa là nguồn lực quý báu của quốc gia nói chung và ngành du lịch nói riêng. Việc gìn giữ bảo tồn là trách nhiệm của mọi cá nhân và tổ chức. Tuy nhiên, cần có quy định cụ thể, rõ ràng về phân cấp quản lý đối với hệ thống di sản văn hóa theo các tiêu chí minh bạch. Việc chi tiêu phục vụ tôn tạo và bảo tồn các di sản văn hóa cần được nhìn nhận là trách nhiệm của khu vực công, chi phí lấy từ ngân sách, không thể bồi hoàn trực tiếp từ việc thu phí tham quan.

Các hoạt động cụ thể, chi tiết hàng ngày phục vụ du khách đến các địa điểm này cần giao cho chính quyền cơ sở hoặc các tổ chức xã hội dân sự quản lý. Hoạt động này có thể được

thu phí để trang trải chi phí hoạt động nhưng cần có quy định hạn chế ở mức độ tối thiểu. Xét về lợi ích tổng thể thì không nên thu phí tham quan đối với các di sản văn hóa. Chi phí này cần được cân đối từ ngân sách địa phương và giao cho **một hội đồng địa phương** quản lý chi tiêu một cách hiệu quả dưới sự giám sát của nhân dân và chính quyền sở tại.

Việc thu phí tham quan đối với di sản văn hóa là một bài toán kinh tế thú vị với những nhân tố tác động đa chiều, cần được xem xét dưới góc độ tổng thể, lâu dài. Việc thu phí tham quan tại các điểm du lịch thuộc quyền sở hữu tư nhân là vấn đề hoàn toàn khác biệt, có thể giải quyết đơn thuần bằng cách để quy luật cung cầu chi phối. Đây cũng là một số luận điểm cần được cân nhắc khi xem xét áp dụng Pháp lệnh Phí và Lệ phí hiện hành.

Tài liệu tham khảo

- [1] Joseph E. Stiglitz, *Kinh tế học công cộng*, NXB. Khoa học và Kỹ thuật, 1995.
- [2] Pháp lệnh Phí và Lệ phí, số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001.

The issues of cultural heritage visiting charges

Dr. Bui Dai Dzung

*Faculty of Development Economics, University of Economics and Business,
Vietnam National University, Hanoi, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Abstract: Tourism is highly important for an economy and local residents with positive impacts on economic transition, clean economic development and reaction to global climate change. In order to develop tourism, the conservation of visible and invisible cultural heritages is a pre-requisite that requires the State's management in terms of science and culture. This type of public goods needs appropriate investment and classified management from the government and local authorities. Although the charges were speculated in the Ordinance No 38/2001/PL-BTVQH dated August 28, 2001 of the Standing Committee of National Assembly on charges and fees, the charge collection were badly performed in several places causing dissatisfaction for tourists. This article has touched the collection of cultural heritage visiting charges under public economics perspective in order to discuss the effectiveness of charge collection for sustainable tourism development.

